TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC TẠI CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHO THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Implementing bibliometric services in academic libraries worldwide: Recommendations for Vietnamese academic libraries

NGUYỄN THANH TRÀ*

Tóm tắt: *Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển sang mô hình quản trị nghiên cứu dựa trên dữ liệu, dịch vụ trắc lượng thư mục ngày càng trở thành một thành phần quan trọng trong hệ thống hỗ trợ nghiên cứu của thư viện đại học và được triển khai tại nhiều thư viện đại học trên thế giới. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu theo chủ đề nhằm phân tích các nghiên cứu quốc tế về triển khai dịch vụ trắc lượng thư mục trong thư viện đại học. Kết quả nghiên cứu được tổ chức theo năm chủ đề chính: Động lực hình thành dịch vụ, mô hình triển khai, sản phẩm và dịch vụ, nguồn dữ liệu - công cụ và năng lực nhân sự. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm triển khai dịch vụ trắc lượng thư mục phù hợp với điều kiện và bối cảnh của thư viện đại học Việt Nam.*

Từ khóa: trắc lượng thư mục; dịch vụ trắc lượng thư mục; thư viện đại học; Việt Nam.

Abstract: *In the context of higher education shifting toward a data-driven research management model, bibliometric services are increasingly becoming an important component of the research support system in academic libraries and have been widely implemented in universities around the world. This study employs a thematic literature review approach to analyze international studies on the implementation of bibliometric services in academic libraries. The findings are organized into five main themes: Drivers for service development, service delivery models, products and services, data sources and tools, and human resource competencies. Based on these findings, the study proposes several recommendations for implementing bibliometric services in accordance with the conditions and context of Vietnamese academic libraries.*

Keywords: bibliometrics; bibliometric service; university library; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mạnh sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu và bằng chứng, hoạt động đánh giá nghiên cứu ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực công bố và vị thế học thuật của các trường đại học. Trong xu thế đó, dịch vụ trắc lượng thư mục (DVTLTM) được nhiều thư viện đại học (TVĐH) trên thế giới cung cấp, đặc biệt là các trường đại học định hướng nghiên cứu. Theo đó, DVTLTM có thể được hiểu là tập hợp các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích và diễn giải dữ liệu công bố, trích dẫn và tác động nghiên cứu để phục vụ cá nhân nhà khoa học và quản lý trường đại học. Việc triển khai DVTLTM khiến TVĐH không chỉ dừng lại ở vai trò cung cấp tài liệu, mà ngày càng tham gia sâu vào các hoạt động như: tư vấn công bố khoa học, hỗ trợ hồ sơ học thuật, phân tích xu hướng nghiên cứu, đối sánh và cung cấp dữ liệu phục vụ quản trị nghiên cứu (Bladek, 2014; Gumpenberger, Wieland, & Gorraiz, 2012; Ye, 2019). Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào bối cảnh các nước phát triển, nơi thư viện đã có hạ tầng dữ liệu hoàn chỉnh, đội ngũ chuyên môn cao và cơ chế phối hợp liên đơn vị rõ ràng. Các tài liệu nghiên cứu về DVTLTM tại các TVĐH tại Việt Nam còn hạn chế.

* Ths, Học viện Ngân hàng

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu việc triển khai DVTLTM trong TVĐH tập trung vào các khía cạnh chính: động lực hình thành dịch vụ, mô hình tổ chức, sản phẩm và dịch vụ, nguồn dữ liệu, công cụ và năng lực nhân sự. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm triển khai DVTLTM phù hợp với điều kiện và bối cảnh của TVĐH Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu theo chủ đề nhằm phân tích các nghiên cứu quốc tế về triển khai DVTLTM trong TVĐH. Dữ liệu được thu thập từ các cơ sở dữ liệu khoa học như Scopus, Google Scholar và các tạp chí chuyên ngành Thư viện - Thông tin. Các tài liệu được lựa chọn dựa trên nội dung tập trung vào DVTLTM trong TVĐH, trong đó phản ánh mô hình triển khai, sản phẩm và dịch vụ, nguồn dữ liệu và công cụ TLTM, năng lực nhân sự, có giá trị tham khảo cho bối cảnh Việt Nam. Sau quá trình sàng lọc, các nghiên cứu được phân tích bằng phương pháp phân tích nội dung kết hợp phân tích chủ đề.

3. Kết quả và thảo luận

Động lực hình thành dịch vụ

DVTLTM trong TVĐH được hình thành từ áp lực ngày càng gia tăng của hoạt động đánh giá nghiên cứu, xếp hạng đại học và yêu cầu giải trình trong giáo dục đại học. Trong bối cảnh này, công bố khoa học không chỉ được đánh giá qua nội dung mà còn thông qua các chỉ số TLTM như số lượng công bố, số trích dẫn, *h-index* hay *Impact Factor*. Điều này tạo ra nhu cầu ngày càng lớn đối với các dịch vụ TLTM/ đo lường đánh giá nghiên cứu từ cấp cá nhân đến tổ chức.

Ở cấp độ cá nhân, nhu cầu này gắn với các quy trình xét thăng tiến học thuật và hoàn thiện hồ sơ nghiên cứu. Một trong những động lực trực tiếp nhất của DVTLTM, là yêu cầu từ giảng viên trong các quy trình xét biên chế, phó giáo sư/ giáo sư và xây dựng hồ sơ học thuật. Đáng chú ý, các thư viện quy mô nhỏ cũng có thể tham gia vào DVTLTM thông qua cẩm nang hướng dẫn trực tuyến (*LibGuide*), hội thảo và tư vấn cá nhân. Điều này cho thấy động lực triển khai không nhất thiết phụ thuộc vào nguồn lực lớn mà xuất phát từ nhu cầu thực tiễn (Bladek, 2014).

Ở cấp độ tổ chức, các trường đại học cần dữ liệu để phục vụ quản trị, phân bổ nguồn lực và xây dựng chiến lược phát triển khoa học. DVTLTM cùng với quản lý dữ liệu nghiên cứu được xem như lĩnh vực cốt lõi trong hỗ trợ nghiên cứu của TVĐH. Khảo sát tại các quốc gia như Úc, New Zealand, Anh và Ireland cho thấy, nhu cầu đối với các dịch vụ này đang tăng nhanh, đặc biệt trong bối cảnh các trường đại học phải đáp ứng yêu cầu xếp hạng, báo cáo nghiên cứu và cạnh tranh quốc tế (Kennan, Corrall, & Afzal, 2014). Bên cạnh đó, tại Úc, sự phát triển DVTLTM gắn liền với yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh nghiên cứu và đáp ứng các tiêu chí đánh giá từ nhà nước và các tổ chức tài trợ. TLTM không còn chỉ phục vụ nhu cầu cá nhân mà đã trở thành một công cụ hỗ trợ quản trị nghiên cứu cấp trường. Cùng cố xu hướng phát triển này, DVTLTM được xác định là một trong năm trụ cột của dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu trong TVĐH hiện đại, bên cạnh kho nội sinh số (*Institutional Repository - IR*), truy cập mở, hỗ trợ nghiên cứu sinh và quản lý dữ liệu nghiên cứu. Việc TLTM được tích hợp vào nhóm dịch vụ cốt lõi cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của việc đo lường và quản lý tác động nghiên cứu trong chiến lược phát triển đại học (Keller, 2015).

Dưới góc độ chính sách quốc gia, các chương trình đánh giá quốc gia và áp lực cạnh tranh quốc tế có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy DVTLTM. Nghiên cứu tại 12 TVĐH Trung Quốc cho thấy các dịch vụ như báo cáo chỉ số khoa học cốt lõi, phân tích xu hướng ngành, đánh giá nhà khoa học và phân tích bằng sáng chế được phát triển mạnh mẽ nhằm đáp ứng các chương trình đánh giá quốc gia và nâng cao vị thế học thuật. Điều này phản ánh mức độ thể chế hóa cao của TLTM trong hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc (Ye, 2019).

Mặc dù các nghiên cứu đã chỉ ra rằng DVTLTM được thúc đẩy bởi áp lực đánh giá nghiên cứu, xếp hạng đại học, xét thăng tiến học thuật và quản trị dựa trên bằng chứng, phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào bối cảnh các đại học phát triển. Vì vậy, còn thiếu các nghiên cứu lý giải động lực triển khai DVTLTM trong bối cảnh các nước đang phát triển, nơi áp lực công bố quốc tế đang tăng nhưng hệ thống dữ liệu, chính sách đánh giá và vai trò thư viện chưa hoàn thiện.

Mô hình triển khai dịch vụ

DVTLTM trong TVĐH được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào chiến lược nghiên cứu của trường, vị trí của thư viện trong cơ cấu quản trị, nguồn lực nhân sự, mức độ phát triển của hạ tầng dữ liệu và nhu cầu sử dụng. Bredahl (2022) đưa ra một khung phân loại có tính hệ thống khi xác định ba mô hình chính của DVTLTM trong đại học: mô hình hợp tác, mô hình tập trung trong thư viện và mô hình tập trung ngoài thư viện. Trong mô hình hợp tác, DVTLTM được triển khai thông qua sự phối hợp giữa thư viện, phòng/ ban quản lý khoa học và các bên liên quan khác với mô hình tập trung trong thư

viện, thư viện đóng vai trò đầu mối về phương pháp, dữ liệu, đào tạo và tư vấn. Trong mô hình tập trung ngoài thư viện, hoạt động TLTM thường được đặt tại các đơn vị như phòng/ ban quản lý khoa học và công nghệ, phòng chiến lược hoặc đơn vị phân tích dữ liệu cấp trường (Bredahl, 2022a). Điểm quan trọng trong cách phân loại này là việc lựa chọn mô hình không thể tách rời khỏi vấn đề quản trị, chuyên môn và nguồn lực.

Một số mô hình DVTLTM nổi bật của TVĐH một số quốc gia trên thế giới

Mô hình thư viện làm trung tâm có thể phát triển thành đơn vị chuyên trách với danh mục dịch vụ toàn diện như trường hợp Đại học Viên (Áo). TVĐH Viên đã phát triển từ các hoạt động phối hợp ban đầu thành một phòng TLTM chuyên trách, cung cấp danh mục dịch vụ gồm: đào tạo, tư vấn, phân tích chuyên gia, tổ chức sự kiện, hợp tác phát triển với nhà cung cấp và nghiên cứu khoa học. Mô hình của TVĐH Viên cho thấy khi thư viện có năng lực chuyên môn mạnh, có sự kết nối với các đơn vị quản lý nghiên cứu, TLTM có thể trở thành một dịch vụ chuyên nghiệp trong trường đại học (Gumpenberger, Wieland & Gorraiz, 2012).

Với mô hình hợp tác liên đơn vị, trường hợp Đại học Waterloo cho thấy dữ liệu TLTM được sử dụng cho nhiều mục đích quản trị khác nhau, thư viện không nhất thiết phải là đơn vị duy nhất cung cấp toàn bộ dịch vụ, nhưng cần giữ vai trò quan trọng về chuyên môn dữ liệu, chỉ số và diễn giải. Cách tổ chức này giúp tăng tính chính danh của dịch vụ vì các bên liên quan cùng tham gia vào quá trình xác định nhu cầu, xử lý dữ liệu và sử dụng kết quả phân tích (Gordon & Hitchens, 2020).

Bên cạnh đó, mô hình dịch vụ đo lường tác động nghiên cứu (*Research Impact Measurement Service - RIMS*) tại Đại học New South Wales (UNSW) phản ánh xu hướng tích hợp TLTM vào hệ thống nghiên cứu cấp trường (Drummond & Wartho, 2009), là mô hình dịch vụ đo lường tác động nghiên cứu được thiết kế nhằm hỗ trợ hồ sơ tài trợ, thăng tiến học thuật và đánh giá chiến lược nghiên cứu. Khác với các mô hình chỉ tập trung vào hỗ trợ cá nhân, RIMS cho thấy TLTM có thể được tổ chức như một dịch vụ cấp trường, cung cấp báo cáo đối sánh, phân tích xu hướng và dữ liệu phục vụ ra quyết định chiến lược (Drummond & Wartho, 2016).

Mô hình DVTLTM đang tiến dần từ hỗ trợ thông tin sang hỗ trợ quản trị nghiên cứu. TVĐH vừa cung cấp dữ liệu, vừa tham gia trực tiếp vào quá trình đánh giá năng lực nghiên cứu và hỗ trợ chiến lược phát triển của trường (Ye, 2019). Các mô hình trên cho thấy DVTLTM thường phát triển theo lộ trình từ dịch vụ hỗ trợ cá nhân đến dịch vụ phân tích chiến lược.

Sản phẩm và DVTLTM

Sản phẩm và DVTLTM trong TVĐH đã phát triển từ hoạt động tra cứu trích dẫn sang hỗ trợ nghiên cứu đa dạng, bao gồm đào tạo, tư vấn, báo cáo phân tích, hồ sơ tác động nghiên cứu, công cụ trực quan hóa dữ liệu TLTM (*dashboard*) và các sản phẩm phục vụ quản trị chiến lược. DVTLTM không chỉ cung cấp số liệu mà còn chuyển hóa dữ liệu công bố và trích dẫn thành sản phẩm thông tin có giá trị sử dụng cho giảng viên/ nhà nghiên cứu, khoa/ bộ môn và quản lý trường đại học.

Ở giai đoạn đầu, DVTLTM thường được triển khai thông qua các sản phẩm, dịch vụ có tính hướng dẫn dưới hình thức hội thảo, cẩm nang thư viện trực tuyến, tư vấn, dễ tiếp cận và gắn trực tiếp với nhu cầu giảng viên/ nhà nghiên cứu. Các dịch vụ thường gắn với nhu cầu xét bổ nhiệm, biên chế, phó giáo sư/ giáo sư hoặc hoàn thiện hồ sơ học thuật (Bladek, 2014; Hendrix, 2010). Thư viện có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo và tư vấn TLTM cho giảng viên/ nhà nghiên cứu, đặc biệt trong bối cảnh các quy trình tuyển dụng và thăng tiến ngày càng yêu cầu minh chứng về tác động nghiên cứu. Các sản phẩm ở nhóm này thường bao gồm hướng dẫn sử dụng chỉ số trích dẫn, phân tích h-index, đếm trích dẫn, Journal Impact Factor và tư vấn cách trình bày các chỉ số trong hồ sơ học thuật (Hendrix, 2010).

Khi dịch vụ phát triển, các thư viện có thể cung cấp các sản phẩm như báo cáo trích dẫn, hồ sơ nghiên cứu đa chiều, công cụ trực quan hóa dữ liệu và báo cáo tác động nghiên cứu (Gorraiz, Wieland, & Gumpenberger, 2016; Tavernier & Jamieson, 2022). Trường hợp Đại học Viên cho thấy thư viện có thể xây dựng một danh mục sản phẩm và dịch vụ bao gồm đào tạo, tư vấn, phân tích chuyên gia, tổ chức sự kiện, hợp tác phát triển với nhà cung cấp và sản phẩm khoa học. Mô hình này vượt ra ngoài phạm vi hỗ trợ cá nhân để hình thành một hệ sinh thái DVTLTM chuyên nghiệp, trong đó thư viện vừa là đơn vị cung cấp dịch vụ, vừa là tác nhân tham gia nghiên cứu và phát triển phương pháp trong lĩnh vực trắc lượng khoa học (*scientometrics*). Hơn nữa, Đại học Viên tiếp tục phát triển mô hình đánh giá TLTM dựa trên phỏng vấn, báo cáo cá nhân hóa, xác thực kết quả và xây dựng hồ sơ nghiên cứu đa chiều. Sản phẩm của mô hình này không chỉ là báo cáo trích dẫn, mà là hồ sơ TLTM đa chiều, phản ánh năng

suất, tác động, hợp tác và trọng tâm nghiên cứu của từng nhà khoa học (Gumpenberger et al., 2012).

Ở hướng tiếp cận đánh giá nghiên cứu, TVĐH có thể tạo ra các sản phẩm như *dashboard* tác động nghiên cứu, báo cáo tác động và bằng chứng phục vụ hợp tác nghiên cứu, hồ sơ vị trí giảng viên/ nhà nghiên cứu, phó giáo sư/ giáo sư và phát triển bộ sưu tập. Nghiên cứu này mở rộng khái niệm DVTLTM từ đo lường trích dẫn sang hỗ trợ nhà nghiên cứu minh chứng năng suất và hiệu suất nghiên cứu thông qua các bằng chứng định lượng và trực quan hóa dữ liệu. Như vậy, sản phẩm TLTM không chỉ phục vụ đánh giá mà còn hỗ trợ truyền thông học thuật, nhận diện mạng lưới ảnh hưởng và phát triển chiến lược nghiên cứu (Tavernier & Jamieson, 2022).

Các TVĐH đã phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ có tính thể chế hóa như trong bối cảnh của Trung Quốc. Các sản phẩm này phản ánh sự chuyển dịch từ dịch vụ tham khảo đơn lẻ sang dịch vụ đánh giá nghiên cứu có tính sản phẩm hóa, phục vụ trực tiếp cho quản trị ngành, hoạch định chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh của trường đại học (Ye, 2019).

Điều này cho thấy DVTLTM không chỉ cung cấp số liệu mà còn giúp diễn giải và truyền thông tác động nghiên cứu. Các sản phẩm có thể được phân thành bốn nhóm: Đào tạo, tư vấn cá nhân, phân tích cấp tổ chức và dashboard trực quan hóa. Sự phân tầng này cho thấy dịch vụ cần được thiết kế theo từng nhóm người dùng. Với các TVĐH Việt Nam, các sản phẩm và DVTLTM cần triển khai theo lộ trình và chuẩn hóa sản phẩm đầu ra, đồng thời chuyển từ "cung cấp số liệu" sang "diễn giải dữ liệu" nhằm nâng cao giá trị sử dụng của dịch vụ.

Nguồn dữ liệu và công cụ TLTM

Nguồn dữ liệu và công cụ TLTM là nền tảng kỹ thuật quan trọng quyết định chất lượng của DVTLTM trong TVĐH. Yếu tố này hay cơ sở dữ liệu trích dẫn như Web of Science, Scopus và Google Scholar đóng vai trò nền tảng, trong khi các công cụ nâng cao như InCites và SciVal hỗ trợ phân tích chiến lược. Đồng thời, chúng thực hiện phân tích trích dẫn, xác định h-index, kiểm tra hồ sơ tác giả và so sánh sự khác biệt giữa các nguồn dữ liệu. Tuy nhiên, việc sử dụng cần đi kèm kỹ năng phân biệt tác giả và quản lý định danh như ORCID, bởi dữ liệu trích dẫn rất dễ bị sai lệch do trùng tên tác giả, biến thể tên hoặc khác biệt về trường đại học (Powell & Elder, 2019).

Đồng thời, các hệ thống định danh như ORCID và các nền tảng hồ sơ nghiên cứu giúp cải thiện chất lượng dữ liệu. Ngoài các CSDL trích dẫn, nguồn dữ liệu và công cụ dành cho nhà nghiên cứu còn được phân loại thành định danh tác giả (ORCID, ResearcherID, Google Scholar Profiles), mạng xã hội học thuật và quản lý tài liệu tham khảo không chỉ hỗ trợ quản lý hồ sơ nghiên cứu mà còn liên quan trực tiếp đến khả năng hiển thị học thuật và thu thập dữ liệu. Điều này cho thấy nguồn dữ liệu của DVTLTM đang mở rộng từ CSDL trích dẫn truyền thống sang các hệ thống định danh, hồ sơ tác giả, nền tảng mạng học thuật và công cụ quản lý trích dẫn. Tương tự, tại Đại học Viên, việc phân tích TLTM cần dựa trên nhiều nguồn dữ liệu TLTM và các CSDL chuyên ngành để cải thiện độ bao phủ và diễn giải chỉ số trong ngữ cảnh theo ngành (Gorraiz, Wieland, & Gumpenberger, 2016).

Các TVĐH sử dụng Web of Science, Scopus, ESI, InCites, kho tài nguyên nội sinh số - IR và các hệ thống dữ liệu nội bộ để cung cấp dịch vụ đánh giá nghiên cứu (Ye, 2019). Đồng thời, dưới góc độ cấp độ trong mô hình dịch vụ, việc lựa chọn nguồn dữ liệu và công cụ không nên tách rời khỏi phạm vi dịch vụ, năng lực chuyên môn và cấu trúc quản trị. Một thư viện mới triển khai dịch vụ có thể bắt đầu với các công cụ như Google Scholar, Scopus, Web of Science hoặc VOSviewer; trong khi các đơn vị phân tích cấp trường cần các công cụ nâng cao hơn như SciVal, InCites, API hoặc dashboard. Như vậy, dữ liệu và công cụ phải được lựa chọn theo mô hình dịch vụ và mục tiêu sử dụng (Bredahl, 2022b).

Nhìn chung, xu hướng sử dụng các CSDL trích dẫn và DVTLTM không thể chỉ dựa vào một CSDL hoặc một công cụ duy nhất, mà cần kết hợp nhiều nguồn dữ liệu khác nhau nhằm tăng độ bao phủ, giảm sai lệch và bảo đảm tính phù hợp theo từng lĩnh vực nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu nghiên cứu về chiến lược lựa chọn và kết hợp nguồn dữ liệu trong bối cảnh hạn chế về tài chính, nhân lực và độ bao phủ dữ liệu. Đặc biệt, đối với các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, cũng như các công bố bằng tiếng Việt. Vì vậy, các TVĐH Việt Nam cần xây dựng chiến lược dữ liệu theo hướng đa nguồn, không phụ thuộc hoàn toàn vào CSDL quốc tế, đồng thời phát triển IR theo hướng tích hợp CRIS để hỗ trợ phân tích nghiên cứu trong dài hạn.

Năng lực nhân sự

Năng lực nhân sự thực hiện DVTLTM giữ vai trò quyết định đối với khả năng triển khai và duy trì DVTLTM trong TVĐH. Nhân sự TLTM không chỉ là người xử lý dữ liệu mà còn phải là người trung gian giữa dữ liệu, nhà nghiên cứu và quản lý trường (Corrall, Kennan & Afzal, 2013; Haddow & Mamtora, 2017).

Dưới góc độ đào tạo nghề nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, trong đó có DVTLTM và quản lý dữ liệu nghiên cứu, đang đặt ra yêu cầu mới trong cả thực tiễn hoạt động thư viện và chương trình đào tạo ngành Thư viện - Thông tin. Các nghiên cứu chỉ ra rằng đào tạo và phát triển năng lực là một thách thức lớn. Các chương trình đào tạo LIS truyền thống chưa chuẩn bị đầy đủ cho người làm thư viện trước các nhiệm vụ mới như: phân tích tác động nghiên cứu, tư vấn chỉ số, quản lý dữ liệu nghiên cứu hoặc hỗ trợ đánh giá khoa học (Kennan, Corrall, Afzal, 2014). Điều này cho thấy sự phát triển của DVTLTM không chỉ là vấn đề bồi dưỡng ngắn hạn trong thư viện, mà còn liên quan đến việc đổi mới chương trình đào tạo nhân lực thông tin - thư viện.

Một cách tiếp cận thực tiễn hơn là mô hình đào tạo nội bộ và học tập đồng nghiệp (Powell & Elder, 2019). Trong đó đào tạo nội bộ theo hình thức học tập đồng nghiệp và thực hành trực tiếp như buổi hội thảo/ thảo luận chuyên đề TLTM dành cho thủ thư chuyên ngành có thể nâng cao năng lực của họ trong việc cung cấp DVTLTM. Thủ thư chuyên ngành thường là nhóm tiếp xúc trực tiếp với giảng viên và nghiên cứu sinh, đồng thời là nhân sự tiếp nhận các yêu cầu liên quan đến hồ sơ trích dẫn, lựa chọn tạp chí, h-index hoặc hồ sơ học thuật cá nhân. Bổ sung cho hướng tiếp cận trên, cần xây dựng khung năng lực rõ ràng và phát triển đội ngũ đa kỹ năng. Khung này cần phân chia năng lực TLTM thành ba mức (cơ bản, nâng cao và chuyên gia) và bốn nhóm năng lực gồm: kiến thức trong lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng kỹ thuật xử lý phân tích số liệu/ chỉ số và tính liêm chính nghề nghiệp (Lancho, 2021).

Điều này cho thấy năng lực nhân sự cần được phát triển theo hướng từ kỹ năng cá nhân sang năng lực tổ chức của thư viện để tránh tình trạng dịch vụ dễ bị gián đoạn khi nhân sự thay đổi. Tuy nhiên, hiện còn thiếu các nghiên cứu đánh giá mức độ sẵn sàng của cán bộ TVĐH trong bối cảnh các nước đang phát triển.

Kiến nghị

Đối với Việt Nam, để triển khai DVTLTM, một số kiến nghị được đề xuất như sau:

Triển khai DVTLTM gắn với chiến lược phát triển nghiên cứu

Trước hết, các TVĐH cần xác lập rõ động lực triển khai DVTLTM như một phần của hệ thống hỗ trợ nghiên cứu. Dịch vụ này cần được gắn trực tiếp với các yêu cầu thực tiễn như đánh giá giảng viên, xét thăng tiến học thuật, kiểm định chất lượng, xếp hạng đại học và quản trị nghiên cứu.

Triển khai theo lộ trình mô hình phù hợp với điều kiện Việt Nam

Các TVĐH Việt Nam cần triển khai DVTLTM theo lộ trình phù hợp với năng lực và nguồn lực hiện có. Ở giai đoạn đầu, nên tập trung vào các dịch vụ cơ bản như hướng dẫn chỉ số, workshop và tư vấn cá nhân giảng viên/ nhà nghiên cứu. Ở giai đoạn tiếp theo, thư viện cần chuẩn hóa quy trình, xây dựng nhóm chuyên trách và mở rộng dịch vụ sang cấp khoa/bộ môn. Ở giai đoạn phát triển, cần hình thành mô hình hợp tác liên đơn vị, kết nối với phòng/ ban quản lý khoa học công nghệ và ban lãnh đạo trường.

Phát triển danh mục sản phẩm và dịch vụ theo phân tầng người dùng

Thư viện cần xây dựng danh mục sản phẩm và DVTLTM phù hợp với từng nhóm người dùng:

Cấp cá nhân: hướng dẫn chỉ số, tư vấn hồ sơ học thuật, hỗ trợ ORCID/ Google Scholar, phân tích trích dẫn.

Cấp nhóm nghiên cứu/ khoa/ viện: báo cáo xu hướng nghiên cứu, phân tích năng lực công bố, đối sánh.

Cấp lãnh đạo: báo cáo tác động nghiên cứu, phân tích chiến lược.

Đặc biệt, cần chuyển từ cách tiếp cận cung cấp số liệu sang diễn giải dữ liệu, nghĩa là kết hợp phân tích định lượng với giải thích chuyên môn, nhằm hỗ trợ ra quyết định một cách có trách nhiệm.

Xây dựng chiến lược dữ liệu và công cụ theo hướng đa nguồn và tích hợp

Các TVĐH Việt Nam cần xây dựng chiến lược dữ liệu theo hướng kết hợp đa nguồn, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các cơ sở dữ liệu quốc tế như Web of Science hoặc Scopus. Về lâu dài, cần từng bước đầu tư vào các nền tảng phân tích nâng cao. Đồng thời, các trường đại học cần chú trọng phát triển IR như một nguồn dữ liệu nội sinh, không chỉ để lưu trữ, phổ biến mà cần phát triển IR theo hướng tích hợp với hệ thống thông tin nghiên cứu để cung cấp DVTLTM ở cấp độ cao hơn.

Phát triển năng lực nhân sự

Năng lực nhân sự là yếu tố quyết định tính bền vững của DVTLTM. Do đó, các thư viện cần xây dựng chiến lược phát triển nhân lực theo hướng: Tránh phụ thuộc vào một cá nhân duy nhất; xây dựng nhóm chuyên trách với năng lực đa dạng (dữ liệu, công cụ, phân tích, tư vấn); đào tạo theo lộ trình từ nhận thức cơ bản, kỹ năng công cụ, phân tích và tư vấn.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực đội ngũ, các TVĐH cần tích hợp nội dung TLTM vào chương

trình đào tạo ngành Thông tin - Thư viện cũng như tăng cường đào tạo nội bộ, học tập đồng nghiệp và hợp tác quốc tế. Về dài hạn, muốn bảo đảm dịch vụ không bị gián đoạn khi thay đổi nhân sự, TLTM cần chuyển từ kỹ năng cá nhân sang năng lực tổ chức.

Tóm lại, việc triển khai DVTLTM tại các TVĐH Việt Nam cần được tiếp cận theo hướng hệ thống và theo lộ trình, kết hợp đồng bộ giữa động lực, mô hình, sản phẩm dịch vụ, dữ liệu và nhân sự. Việc triển khai hiệu quả dịch vụ này không chỉ mở rộng vai trò vị thế của TVĐH Việt Nam mà còn góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, chất lượng công bố và vị thế học thuật của các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ■

N.T.T

Tài liệu tham khảo

1. Bladek, M. (2014). ***Bibliometrics services and the academic library: meeting the emerging needs of the campus community (Dịch vụ trắc lượng thư mục và thư viện đại học: Đáp ứng nhu cầu mới của cộng đồng học thuật)***. College & undergraduate libraries. 21(3-4). *https://doi.org/10.1080/10691316.2014.929066*

2. Bredahl, L. (2022a). ***Bibliometric Service Models in Academia and Considerations Impacting Resourcing (Các mô hình dịch vụ bibliometrics trong học thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn lực)***. Library Technology Reports. 58(8). *https://doi.org/10.5860/ltr.58n8*

3. Bredahl, L. (2022b). ***The current and evolving landscape of bibliometric tools and technologies (Toàn cảnh và xu hướng phát triển của các công cụ bibliometrics)***. Library Technology Reports. 58(8). *https://doi.org/10.5860/ltr.58n8*

4. Corrall, S., Kennan, M. A., & Afzal, W. (2013). ***Bibliometrics and Research Data Management Services: Emerging Trends in Library Support for Research (Dịch vụ trắc lượng thư mục và quản lý dữ liệu nghiên cứu: Xu hướng mới trong hỗ trợ nghiên cứu của thư viện)***. Library Trends. Vol. 61. No. 3. *doi:10.1353/lib.2013.0005*

5. Drummond, R., & Wartho, R. (2016). ***Rims: The Research Impact Measurement Service At The University Of New South Wales (RIMS: Dịch vụ đo lường tác động nghiên cứu tại Đại học New South Wales)***. Australian Academic & Research Libraries. 47(4). *doi:10.1080/00048623.2016.1253427*

6. Gordon, S., & Hitchens, A. (2020, October 28). ***Library Impact Practice Brief: Supporting Bibliometric Data Needs at Academic Institutions (Tài liệu thực hành về tác động của thư viện: Hỗ trợ nhu cầu dữ liệu bibliometrics trong các trường đại học)***. Washington, DC: Association of Research Libraries. *https://doi.org/10.29242/brief.waterloo2020*

7. Gorraiz, J., Wieland, M., & Gumpenberger, C. (2016). ***Individual bibliometric assessment@ University of Vienna: from numbers to multidimensional profiles (Đánh giá bibliometrics cấp cá nhân tại Đại học Vienna: Từ con số đến hồ sơ đa chiều)***. *arXiv preprint arXiv:1601.08049*

8. Gumpenberger, C., Wieland, M., & Gorraiz, J. (2012). ***Bibliometric practices and activities at the University of Vienna (Thực tiễn và hoạt động bibliometrics tại Đại học Vienna)***. Library Management. 33(3). *doi:10.1108/01435121211217199*

9. Haddow, G., & Mamtora, J. J. (2017). ***Research support in Australian academic libraries: services, resources, and relationships (Hỗ trợ nghiên cứu trong thư viện đại học Úc: Dịch vụ, nguồn lực và quan hệ)***. New Review of Academic Librarianship. 23(2-3). *https://doi.org/10.1080/13614533.2017.1318765*

10. Hendrix, D. (2010). Tenure Metrics: ***Bibliometric Education and Services for Academic Faculty Chỉ số thăng tiến học thuật: Đào tạo và dịch vụ bibliometrics cho giảng viên)***. Medical Reference Services Quarterly. 29(2). *doi:10.1080/02763861003723416*

11. Keller, A. (2015). ***Research Support in Australian University Libraries: An Outsider View (Hỗ trợ nghiên cứu trong thư viện đại học Úc: Góc nhìn từ bên ngoài)***. Australian Academic & Research Libraries. 46(2). *doi:10.1080/00048623.2015.1009528*

12. Kennan, M. A., Corrall, S., & Afzal, W. (2014). ***"Making space" in practice and education: research support services in academic libraries (Mở rộng vị trí trong thực hành và đào tạo: Dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu trong thư viện đại học)***. Library Management. 35(8-9). *doi:10.1108/LM-03-2014-0037*

13. Lancho Barrantes, B. S., Vanhaverbeke, H., & Dobre, S. (2021). ***Competencies model for bibliometric work (Mô hình năng lực cho công tác trắc lượng thư mục)***. *https://thebibliomagician.files.wordpress.com/2021/07/competenciesmodel_june2021-2.pdf*

14. Powell, K. R., & Elder, J. J. (2019). ***A bibliometric services workshop for subject librarians (Workshop dịch vụ bibliometrics cho thủ thư chuyên ngành)***. Library Management. 40(5). *doi:https://doi.org/10.1108/LM-03-2018-0014*

15. Tavernier, W., & Jamieson, L. M. (2022). ***Value added: A case study of research impact services. portal: Libraries and the Academy (Gia tăng giá trị cho nghiên cứu: Nghiên cứu trường hợp về dịch vụ hỗ trợ tác động nghiên cứu)***. Libraries and the Academy. 22(4). Vol. 22. No.4. *doi:10.1353/pla.2022.0047*

16. Ye, L. (2019). ***Chinese academic library research evaluation services (Dịch vụ đánh giá nghiên cứu tại thư viện đại học Trung Quốc)***. Journal of Library Administration. 59(1). *doi:10.1080/01930826.2018.1549416*

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15/4/2026; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 28/4/2026; Ngày duyệt đăng: 15/5/2026.